

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ KON TUM
TỈNH KONTUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:65/2021/HS-ST.

Ngày: 16/6/2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KONTUM - TỈNH KONTUM

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Văn H và ông Nguyễn Văn Th

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy A – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh Kon Tum.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Q - Kiểm sát viên.

Ngày 16-6-2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố K - tỉnh K, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 27/2021/HS-ST, ngày 16/3/2021 đối với bị cáo: **Trịnh Cao C**, sinh năm 1990 tại K. Nơi đăng ký nhân khẩu và thường trú: Số 01/8 Lý Thái T, thành phố K, tỉnh K; nghề nghiệp: Không ổn định; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Ngọc D, sinh năm 1966 và bà Mai Thị C, sinh năm: 1962, cùng trú tại: Số 01/8 Lý Thái T, thành phố K, tỉnh K. Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số 48/2011/HS-ST, ngày 29/7/2011 xử phạt bị cáo 12 tháng tù giam về tội “ Trộm cắp tài sản”. Ngày 19/4/2012 chấp hành xong hình phạt tù và đã được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/12/2020 đến nay. Có mặt.

-Người bị hại: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1986. Trú tại: Số 15 Tân Đ, thành phố K, tỉnh K. Vắng mặt

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Lê Trường H, sinh năm 1993. Trú tại: Số 219 Phan Chu Tr, thành phố

K, tỉnh K. Vắng mặt

2. Ông Nguyễn Quang Ph, sinh năm 1974. Trú tại: Số 255 Lạc Long Q, thành phố K, tỉnh K. Có mặt

3. Nguyễn Văn Nh, sinh năm 1980. Trú tại: Số 106 Hoàng Thị L, thành phố K, tỉnh K. Vắng mặt

4. Hoàng Thị Th, sinh năm 1982. Trú tại: Thôn Plei rơ h, phường Lê L, thành phố K, tỉnh K. Vắng mặt

5. Bà Mai Thị C, sinh năm 1962. Số 01/8 Lý Thái T, thành phố K, tỉnh K. Có mặt

- **Người làm chứng:** Anh Trần Nguyễn Công T. Địa chỉ: Số 191 Hai Bà Tr, thành phố K, tỉnh K. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 10/2015, do cần tiền nên Nguyễn Văn L (SN: 1986, HKTT: thôn 1, xã Quảng Đ, huyện Quảng X, tỉnh Thanh H, chỗ ở: 15 Tân Đ, phường Duy T, thành phố K) cùng với bạn là Trần Nguyễn Công T (SN: 1994, trú tại: 191 Hai Bà Tr, phường Quyết Th, thành phố K) mang xe mô tô BKS 82V1-2641, nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đỏ-đen của L đến tiệm cầm đồ Anh Pau tại số 128 Trần Phú, phường Thắng L, thành phố K để cầm cố lấy 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng), L và T chia nhau số tiền này, sau đó L ra Đà Nẵng đi làm. Đến ngày 03/11/2015, L gửi tiền về cho T để T đến tiệm cầm đồ Anh Pau trả tiền lấy xe về, đồng thời L nhờ T đưa xe cho Trịnh Cao C (SN: 07/02/1990, HKTT: 01/8 Lý Thái T, phường Thống Nh, thành phố K, tỉnh K) để C gửi giúp mình chiếc xe mô tô BKS 82V1-2641 từ K ra Đà Nẵng, trước đó L đã gọi điện nhờ C và C đồng ý gửi giúp. Sau khi nhận xe mô tô từ Trần Nguyễn Công T, C không gửi xe ra Đà Nẵng cho L mà nảy sinh ý định chiếm đoạt. Vào ngày 10/11/2015, C điều khiển xe đến tiệm cầm đồ Bin Mập tại số 219 Phan Chu Tr, phường Quyết Th, thành phố K bán cho Lê Trường H (SN: 1993, trú tại: 219 Phan Chu Tr, phường Quyết Th, thành phố K – chủ tiệm) lấy số tiền 10.500.000 đồng (Mười triệu năm trăm ngàn đồng) và tiêu xài cá nhân hết, sau đó C bỏ trốn khỏi địa phương, vào thành phố Hồ Chí Minh sống lang thang cho đến ngày 22/12/2020 bị bắt theo Quyết định truy nã.

Ngày 23/12/2015, Lê Trường H bán lại chiếc xe mô tô BKS 82V1-2641 cho Nguyễn Văn Nh (SN: 1980, trú tại: 106 Hoàng Thị L, phường Quang Tr, thành phố K) với giá 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng).

Ngày 16/01/2016, Nhn mang xe đến cửa hàng mua bán xe máy của Nguyễn Quang Ph (SN: 1974, HKTT: 255 Lạc Long Q, phường Quang Tr, thành phố K) tại địa chỉ 772 Phan Đình Ph, phường Quang Tr, thành phố K và bán lại chiếc xe cho anh Ph với giá 10.900.000 đồng (Mười triệu chín trăm ngàn đồng). Ngày 17/01/2016, chiếc xe mô tô bị Công an phường Thăng L phát hiện, thu giữ.

Tại Bản kết luận định giá tài số 23/ĐG-TS ngày 06/4/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - UBND thành phố K kết luận: Tổng giá trị định giá đối với 01 xe mô tô theo Quyết định trưng cầu định giá tài sản số 101 ngày 27/3/2016 của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố K là **7.837.500** đồng (Bảy triệu tám trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Cáo trạng số 31/CT-VKSTPKT ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố K, tỉnh K truy tố bị cáo Trịnh Cao C về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K trong phần tranh luận, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 140, điểm b, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Trịnh Cao C từ 09 đến 12 tháng tù.

Về vật chứng:

+ 01 (một) xe mô tô màu đen đỏ, hiệu Yamaha Sirius, BKS 82V1-2641 và 01 (một) đăng ký mô tô, xe máy mang tên Hoàng Thị Th. Sau khi xác định được chủ sở hữu chiếc xe là anh Nguyễn Văn L nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh L là có cơ sở.

+ Đối với số tiền 10.500.000 đồng do bà Mai Thị C (mẹ của bị cáo) nộp khắc phục hậu quả, đề nghị Hội đồng ghi nhận sự thỏa thuận của bà C và anh Ph, lấy số tiền này trả cho anh Phúc.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là anh Nguyễn Văn L đã nhận lại xe và không yêu cầu bồi thường thêm nên không xem xét.

Ngoài ra, trong vụ án này, Lê Trường H, Nguyễn Văn Nh, Nguyễn Quang Ph là những người đã mua và bán lại chiếc xe mô tô 82V1-3641. Tuy nhiên tất cả đều không biết nguồn gốc chiếc xe là do Trịnh Cao C phạm tội mà có, do vậy, việc Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự đối với những người này là phù hợp.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng: Bị cáo nhận thức hành vi của mình là sai, là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Đối với người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng gì đến việc xét xử vụ án. Căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

Do thời điểm bị cáo Trịnh Cao C thực hiện hành vi phạm tội Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) đang có hiệu lực thi hành, bên cạnh đó, khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định khung hình phạt nhẹ hơn so với khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật hình sự năm 1999 để xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Trịnh Cao C thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định: Ngày 10/11/2015, sau khi nhận chiếc xe mô tô BKS 82V1-2641 từ anh Trần Nguyễn Công T để gửi ra Đà Nẵng cho anh Nguyễn Văn L, bị cáo Trịnh Cao C đã nảy sinh ý định chiếm đoạt nên đã mang chiếc xe này đi bán lấy 10.500.000 đồng để tiêu xài cá nhân rồi bỏ trốn khỏi địa phương. Giá trị chiếc xe mô tô theo kết luận định giá tài sản là **7.837.500 đồng** (*Bảy triệu tám trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng*). Hành vi nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng, sau đó chiếm đoạt của Trịnh Cao C đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 140 BLHS năm 1999 (*sửa đổi, bổ sung năm 2009 - nay là điểm a khoản 1 Điều 175 BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017*). Cáo trạng số 31/CT-VKSTPKT ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội do bị cáo gây ra là ít nghiêm trọng, tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội là không lớn. Tuy nhiên, khi thực hiện hành vi phạm tội, bị

cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác nhưng vẫn cố ý thực hiện, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tác động gia đình khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của mình gây ra và mẹ của bị cáo là bà Mai Thị C đã nộp số tiền 10.500.000 đồng để khắc phục hậu quả thay cho bị cáo, đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999 (*sửa đổi, bổ sung năm 2009 – nay là điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017*). Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về nhân thân: Năm 2012, Tòa án nhân dân thành phố K tuyên xử bị cáo 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 19/4/2012 chấp hành xong hình phạt tù và đã nộp án phí theo quy định, trở về địa phương sinh sống, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học, không chịu tu dưỡng rèn luyện bản thân mà lại tiếp tục phạm tội, bỏ trốn vào Thành phố Hồ Chí Minh, gây khó khăn cho Cơ quan điều tra.

[5] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, đồng thời cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm tiếp tục giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người tốt, biết tôn trọng pháp luật, tôn trọng tài sản của người khác, đồng thời răn đe, phòng ngừa chung.

[6] Trong vụ án này, Lê Trường H, Nguyễn Văn Nh, Nguyễn Quang Ph là những người đã mua và bán lại chiếc xe mô tô 82V1-3641. Tuy nhiên, tất cả đều không biết nguồn gốc chiếc xe là do Trịnh Cao C phạm tội mà có, do vậy, việc Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự đối với những người này là phù hợp.

[7] Về vật chứng vụ án và trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tạm giữ:

+ 01 (một) xe mô tô màu đen đỏ, hiệu Yamaha Sirius, BKS 82V1-2641.

+ 01 (một) đăng ký mô tô, xe máy mang tên Hoàng Thị Th.

Quá trình điều tra xác định vào tháng 10/2010 anh Nguyễn Văn L có nhu cầu mua xe mô tô làm phương tiện đi lại, tuy nhiên anh L không có hộ khẩu thường trú tại K nên đã nhờ chị Hoàng Thị Th đứng tên chủ sở hữu chiếc xe mô tô BKS 82V1-2641. Ngày 08/6/2016, Cơ quan CSĐT – Công an thành phố K đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe mô tô và Giấy đăng ký mô tô, xe máy cho Nguyễn Văn L là phù hợp.

+ Đối với số tiền 10.500.000 đồng bà Mai Thị C đã nộp khắc phục hậu quả thay cho bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy: Người bị hại anh Nguyễn Văn Linh đã nhận lại xe và không yêu cầu bồi thường gì nên không xem xét.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm: Anh Lê Trường H yêu cầu Trịnh Cao C trả lại số tiền 10.500.000 đồng anh H đã bỏ ra để mua xe từ C; khi nào anh Nguyễn Văn Nh yêu cầu thì anh Hải sẽ trả lại số tiền 12.000.000 đồng cho anh Nh; Anh Nguyễn Văn Nh hiện nay không còn cư trú tại số 106 Hoàng Thị L, phường Quang Tr, thành phố K, chuyển đi đâu chính quyền địa phương không rõ, do vậy CQĐT chưa lấy được lời khai để làm rõ yêu cầu của anh Nh về vấn đề dân sự trong vụ án; Anh Nguyễn Quang Ph yêu cầu Nguyễn Văn Nh phải trả lại số tiền 10.900.000 đồng anh Ph đã bỏ ra để mua xe từ anh Nh.

Tại phiên tòa ý kiến của bà Mai Thị C như sau: Bị cáo Trịnh Cao C đã bán chiếc xe mô tô cho anh Lê Trường H lấy tiền tiêu xài cá nhân, sau đó liên quan đến nhiều người khác. Nay anh Lê Trường H yêu cầu bị cáo C trả lại số tiền 10.500.000 đồng, anh Nguyễn Quang Ph yêu cầu anh Nhuận trả số tiền 10.900.000 đồng nhưng anh Nh không có mặt tại địa phương. Để giải quyết dứt điểm vụ án, đề nghị Tòa án chuyển số tiền do bà đã nộp khắc phục hậu quả thay cho bị cáo sang cho anh Nguyễn Quang Ph. Tại phiên tòa anh Phúc đồng ý nhận số tiền 10.500.000 đồng và không có yêu cầu gì thêm. Xét thấy, người bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không ai còn bị ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Bà Mai Thị C không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền bà đã khắc phục thay cho bị cáo.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Trịnh Cao C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Trịnh Cao C** (tên gọi khác: Không) phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

2. Áp dụng Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc Hội; điểm a khoản 1 Điều 140 BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009 - nay là điểm a khoản 1 Điều 175 BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm b, p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009 – nay là điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Trịnh Cao C **09 (Chín)** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam, ngày 22/12/2020.

3. Trả lại anh Nguyễn Quang Ph số tiền 10.500.000 đồng (Mười triệu năm trăm nghìn đồng), theo tài khoản số 3949.0.1047677.00000 của Chi cục Thi hành

án dân sự Thành phố K, tỉnh K (theo ủy nhiệm chỉ chuyển khoản tiền vật chứng vụ án ngày 16/3/2021 giữa Công an thành phố K với Kho bạc Nhà Nước tỉnh K).

4. Căn cứ khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTV Quốc Hội. Buộc bị cáo Trịnh Cao C phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

5. Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (16/6/2021), bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm. Người bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh K;
- VKSND tỉnh K;
- VKSND TP.K;
- Công an TP.K;
- Chi cục THADS TP.K;
- Những người TGTT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mai Thị Thu

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- VKSND TP.Kon Tum;
- Công an TP.Kon Tum;
- Chi cục THADS TP.KonTum;
- Những người TGTT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mai Thị Thu